

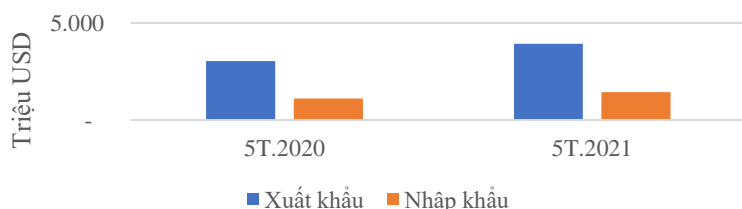
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **TRUNG QUỐC**



TÌNH HÌNH CHUNG

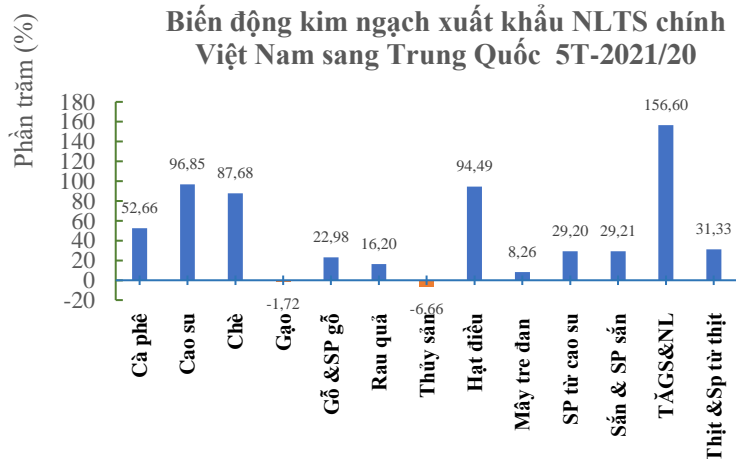
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Trung Quốc 5T-2021/2020



So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam -Trung Quốc (5T- 2021/2020)

Xuất khẩu	▲ 29,34%
Nhập khẩu	▲ 29,66%

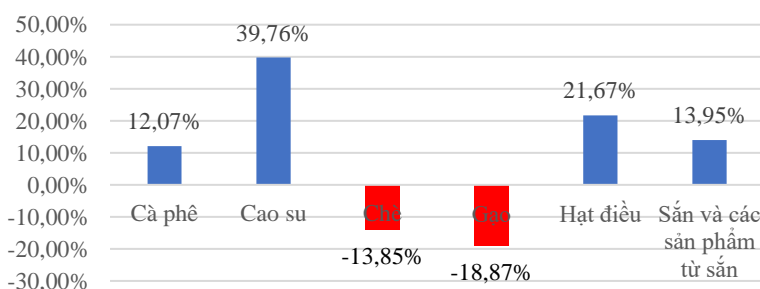
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Trung Quốc 5T-2021/2020



So sánh 5T-2021/2020

Cà phê	▲ 52,66%
Cao su	▲ 96,85%
Chè	▲ 87,68%
Gạo	▼ 01,72%
Gỗ và SP gỗ	▲ 22,98%
Rau quả	▲ 16,20%
Thủy sản	▼ 06,66%
Hạt điều	▲ 94,49%
Mây tre đan	▲ 08,26%
SP từ cao su	▲ 29,20%
Sắn và SP sắn	▲ 29,21%
TĂGS và NL	▲ 156,60%
Thịt & SP từ thịt	▲ 31,33%

Biến động giá xuất khẩu BQ T5.2021/T5.2020



So sánh giá xuất khẩu tháng 5.2021/2020

Cà phê	▲ 12,07%
Cao su	▲ 39,76%
Chè	▼ 13,85%
Gạo	▼ 18,87%
Hạt điều	▲ 21,67%
Sắn & SP sắn	▲ 13,95%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2021 đạt 3,90 tỷ USD, tăng 29,34% so với cùng kỳ năm 2020; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 1,44 tỷ USD, tăng 29,66%. Tính riêng tháng 5/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 805,57 triệu USD, giảm 1,5% so với tháng trước và tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 5 là rau quả (chiếm 23,2%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 18,5%), thủy sản (chiếm 11,9%), cao su (chiếm 10,7%), sắt và sản phẩm sắt (chiếm 9,7%), hạt điều (chiếm 8,9%), gạo (chiếm 7,3%). So với tháng 4/2021, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: cao su (tăng 54,7%), hạt điều (tăng 53,7%), thịt và sản phẩm từ thịt (tăng 42,1%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là rau quả (giảm 27,1%), chè (giảm 15,2%), gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 12,8%). So với cùng kỳ, hầu hết các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, nhiều nhất là thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 275%), thịt và sản phẩm thịt (tăng 167,3%), hạt điều (tăng 61,3%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 49,5%); các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là gạo (giảm 40,6%), thủy sản (giảm 25,7%), chè (giảm 1,6%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố ngày 8/6 đã nâng dự báo tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc trong năm 2021 lên 8,5% (cao hơn mức 7,9% ở dự báo trước đó). Nền kinh tế Trung Quốc vốn không bị suy giảm vào năm ngoái, dự kiến sẽ tăng trưởng vững chắc trong năm 2021. Tăng trưởng tiêu dùng được dự báo sẽ dần trở lại xu hướng trước khi dịch Covid-19 bùng phát, do sự phục hồi của thị trường lao động, thu nhập hộ gia đình tăng và niềm tin của người tiêu dùng được cải thiện.

Theo số liệu của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, tổng mức bán lẻ hàng hóa tiêu dùng trong tháng 5 của Trung Quốc tăng 12,4% so với cùng kỳ, chủ yếu do thay đổi cơ sở trong cùng kỳ và giảm 5,3 điểm phần trăm so với tháng 4. So với cùng kỳ năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 9,3% và cao hơn mức tăng 0,5 điểm phần trăm so với tháng 4. Nhìn chung, thị trường tiêu dùng duy trì xu hướng phục hồi tốt trong tháng 5. Tuy nhiên, phục hồi hoạt động tiêu thụ ăn uống còn thấp, áp lực lây nhiễm dịch bệnh từ nước ngoài còn cao, dịch bệnh vẫn xảy ra ở một số khu vực và sự phục hồi của thị trường tiêu thụ còn nhiều bất ổn. Trong giai đoạn tiếp theo, khi công tác phòng chống dịch trở nên chính xác và hiệu quả hơn, các chính sách và biện pháp thúc đẩy tiêu dùng toàn diện có hiệu lực hơn, thị trường tiêu thụ được kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi tốt.

Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê quốc gia Trung Quốc công bố ngày 30/6, chỉ số quản lý thu mua (PMI) của Trung Quốc trong tháng 6 là 50,9%, giảm nhẹ 0,1 điểm phần trăm so với tháng trước. Ngành sản xuất tiếp tục phát triển mở rộng ổn định. Xét theo quy mô doanh nghiệp, chỉ số PMI của doanh nghiệp lớn và vừa là 51,7% và 50,8%, giảm 0,1 và 0,3 điểm phần trăm so với tháng trước; chỉ số PMI của doanh nghiệp nhỏ là 49,1 %, tăng 0,3 điểm phần trăm so với tháng trước. Chỉ số hoạt động phi sản xuất kinh doanh là 53,5%, giảm 1,7 điểm phần trăm so với tháng trước, và sự mở rộng của các ngành phi sản xuất suy yếu.

Thị trường trái cây nhập khẩu toàn cầu đã phải hứng chịu những hậu quả tiêu cực của đại dịch Covid-19 kể từ khi bùng phát vào đầu năm ngoái. Thủ tục thông quan kéo dài làm chậm tốc độ xử lý tại các cảng và diễn biến của đại dịch dẫn đến những thay đổi đột ngột trong chính sách thương mại và các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của các nước. Những yếu tố không thể dự đoán trước này làm tăng đáng kể rủi ro thương mại và làm tăng thêm chi phí hoạt động, gây ra sự bất ổn trong tương lai của thương mại trái cây quốc tế. Trái cây nội địa Trung Quốc đã có những tiến bộ ấn tượng về chất lượng cũng như sự đa dạng của sản phẩm và công nghệ trồng trọt được cải tiến, phương pháp đóng gói và những phát triển đổi mới khác. Chất lượng trái cây trong nước đang dần bắt kịp trái cây nhập khẩu.

Theo dự báo của Văn phòng Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) tại Trung Quốc, sản lượng đậu tương niên vụ 2021/22 giảm xuống 17,5 triệu tấn, giảm 1 triệu tấn so với niên vụ trước do nông dân chuyển đổi diện tích sang trồng ngô. Trước tình hình giá ngô nội địa tăng lên mức cao nhất trong vòng 6 năm và trợ cấp cho nông dân trồng ngô giá tăng, nông dân đang chuyển từ trồng đậu tương sang trồng ngô, đặc biệt tại khu vực vành đai ngũ cốc đông bắc Trung Quốc.

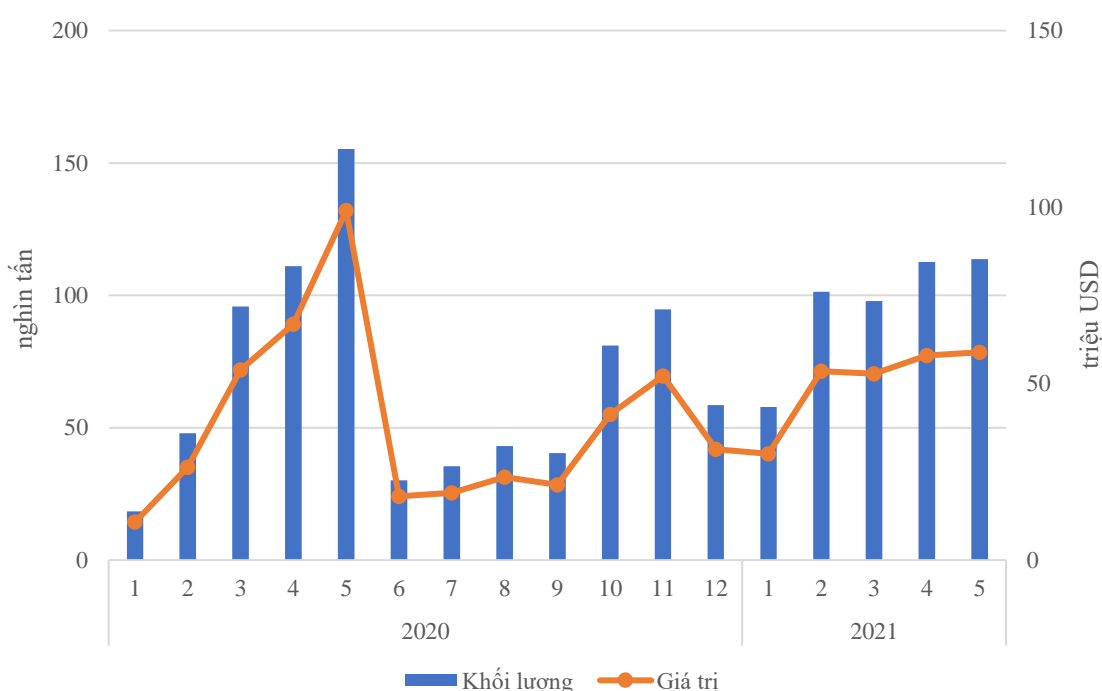
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 6/2021 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2021 tiếp tục được dự báo là sẽ đạt khoảng 148,3 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc năm 2021 ước đạt 2,8 triệu tấn, giảm 100 nghìn tấn so với năm ngoái. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 113,7 nghìn tấn gạo, trị giá 58,8 triệu USD sang Trung Quốc tăng 0,9% về khối lượng và 1,5% về giá trị so với tháng trước, nhưng giảm 26,7% về khối lượng và 40,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2021 đạt 482,9 nghìn tấn, trị giá 253,0 triệu USD, tăng 12,7% về khối lượng nhưng giảm 1,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

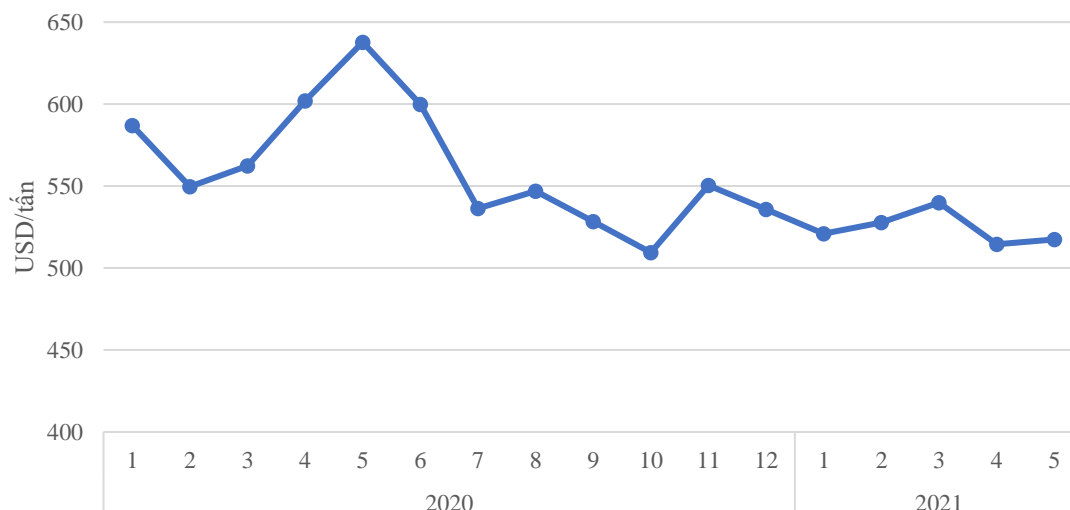
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2021 đạt 517,4 USD/tấn, tăng 0,6% so với tháng trước, nhưng giảm 18,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

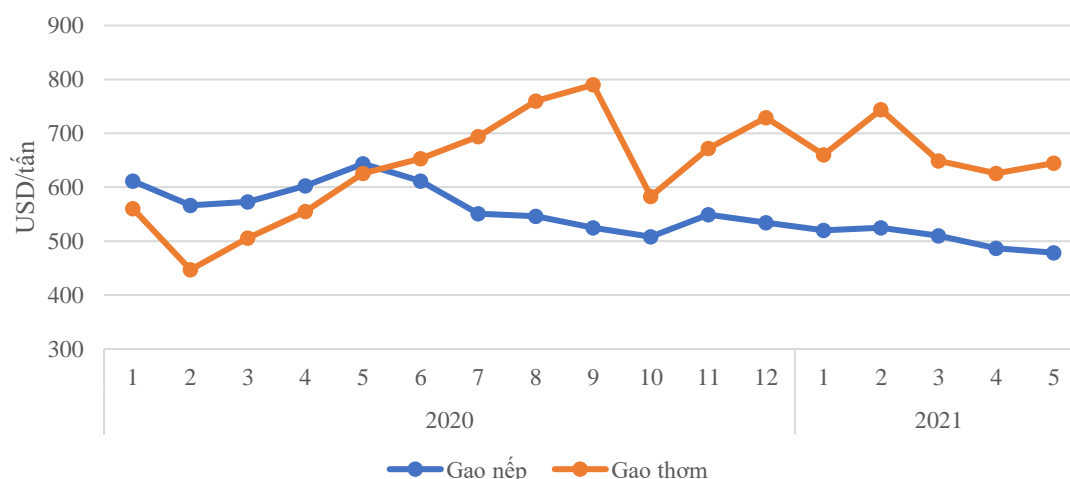


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, gạo nếp tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 83,9 nghìn tấn, trị giá 40,1 triệu USD (chiếm 73,8% về khối lượng và 68,1% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo nếp sang Trung Quốc đã giảm 41,5% về khối lượng và 56,7% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo nếp tháng 5/2021 đạt trung bình 478,6 USD/tấn, giảm 1,7% so với tháng trước và 25,6% so với cùng kỳ năm 2020. Giá gạo thơm đạt 644,9 USD/tấn, tăng 3,1% so với tháng trước và 3,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Dương Vũ, Công ty CP Tân Đồng Tiến, và Công ty CP Thương mại Kiên Giang. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 19,0%, 14,9%, và

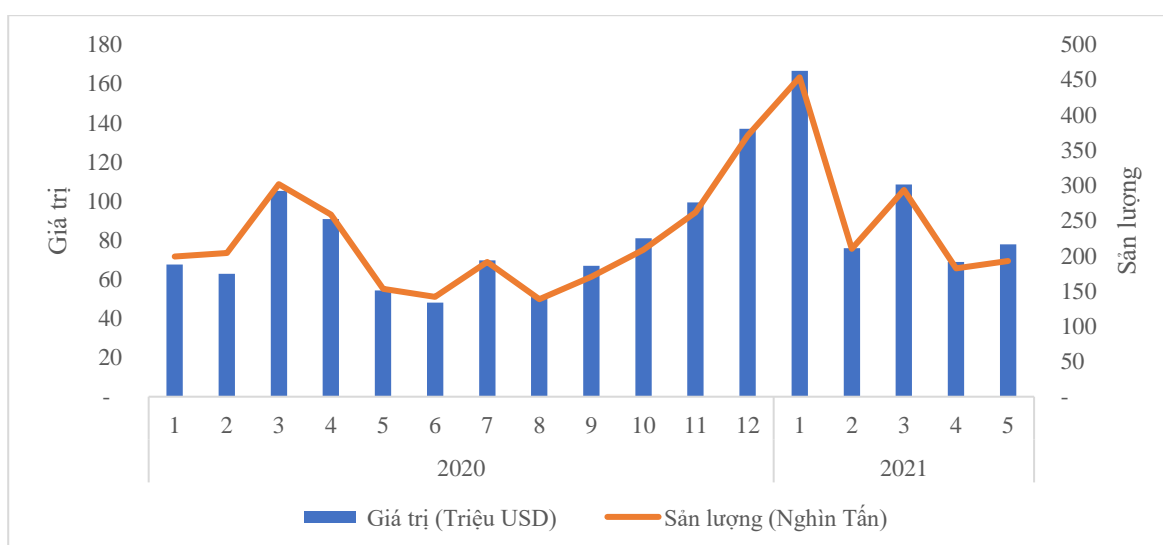
9,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 5/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty TNHH Dương Vũ giảm 19,9%, Công ty CP Tân Đồng Tiến tăng 31,7%, và Công ty CP Thương mại Kiên Giang tăng 104,4%.

2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ ngành sản quốc gia Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu sản lát khô của Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2021 tăng đáng kể. Khối lượng nhập khẩu đạt khoảng 2,62 triệu tấn và giá trị nhập khẩu đạt 718 triệu USD, lần lượt tăng 69,03% và 108,05% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 5/2021, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 400.000 tấn sản lát khô với giá trị khoảng 110 triệu USD, tăng lần lượt là 48% và 86% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 192,5 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 77,9 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 5,7% về khối lượng và tăng 13,1% về giá trị so với tháng 4/2021; tăng 25,7% về khối lượng và tăng 43,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường này đạt 1,3 triệu tấn, trị giá 490 triệu USD, tăng 17,1% về khối lượng và tăng 29,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

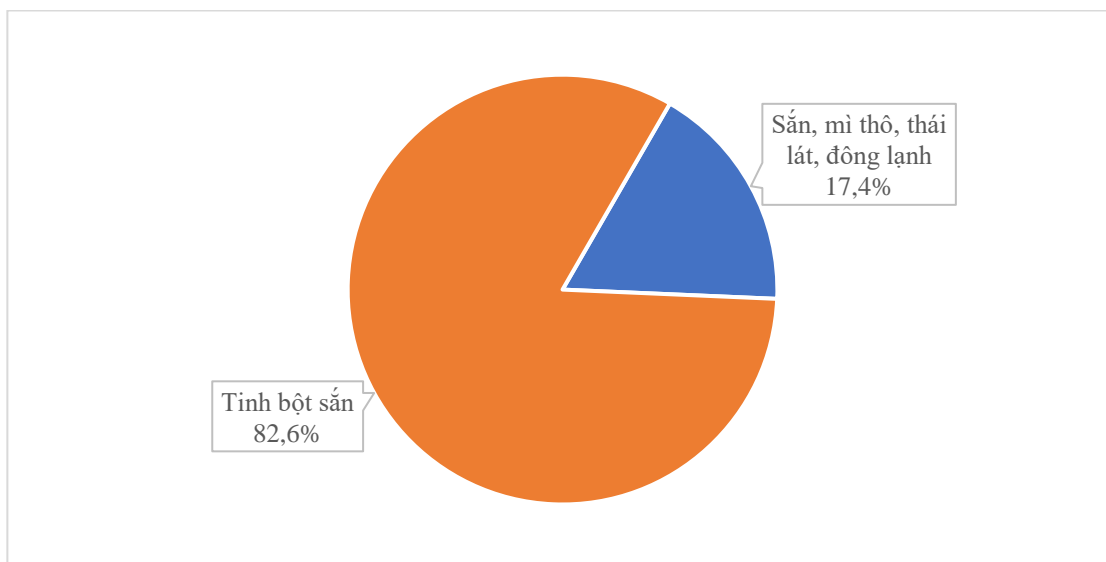
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 90,4% về khối lượng và 90,1% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 5 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 64,5 triệu USD, chiếm 82,6% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 36,1% so với cùng kỳ năm 2020; sắn lát, đông lạnh đạt 13,5 triệu USD (chiếm 17,4%), tăng 91,3%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty CP Fococev Việt Nam, Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Hưng với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 8,7%; 8,7% và 7,1%. So sánh với kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm ngoái, Công ty CP Fococev Việt Nam tăng 7,0%, Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi tăng 6,6% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Hưng tăng 145,1%.

3. RAU QUẢ

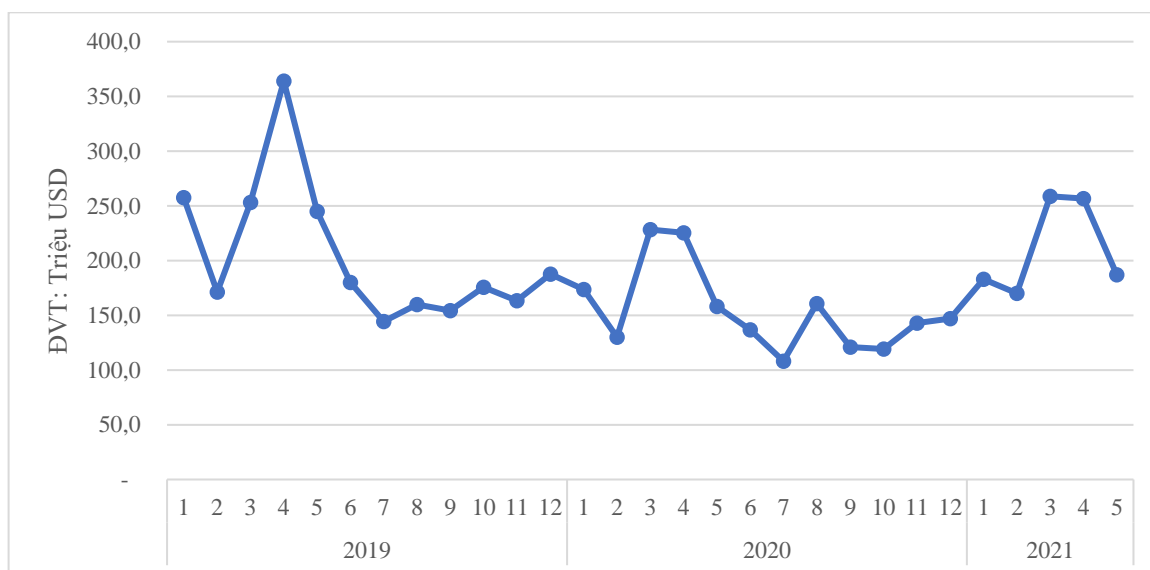
Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, khối lượng xuất khẩu tỏi tươi và tỏi bảo quản lạnh của nước này năm 2020 đạt 2,232 triệu tấn, mức cao nhất trong một thập kỷ qua. Con số này cao hơn 500.000 tấn, tương đương 28,4% so với năm 2019, khi tổng lượng xuất khẩu là 1,738 triệu tấn. Trong khi đó, doanh thu xuất khẩu tỏi của Trung Quốc năm 2020 lên tới 14,02 tỷ CNY (2,2 tỷ USD), tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước; giá tỏi trung bình năm 2020 là 6.280,4 CNY (970 USD/tấn). Xuất khẩu năm 2021 vẫn mạnh, với các thị trường như Hà Lan, Canada và Mỹ tăng

cường mua. Xuất khẩu tỏi của Trung Quốc chủ yếu tập trung vào Đông Nam Á trong những năm gần đây, trong đó chủ yếu sang Indonesia.

Giá gừng xuất khẩu của Trung Quốc năm nay khá cao do chi phí vận chuyển tăng và giá nguyên liệu đầu vào cũng tăng. Giá gừng xuất khẩu của Trung Quốc sang Châu Âu hiện vào khoảng 2.200 - 2.300 USD/tấn, cao hơn khoảng 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, khối lượng gừng xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường châu Âu từ đầu năm đến nay thấp hơn cùng kỳ năm 2020 và năm 2019 do xuất chậm ở những tháng đầu năm vì cước phàn tải tăng, thiếu container và nguồn cung không nhiều.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 5 năm 2021 đạt 187,2 triệu USD, chiếm 55,4% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 27,1% so với tháng trước và tăng 18,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung năm tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,1 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc

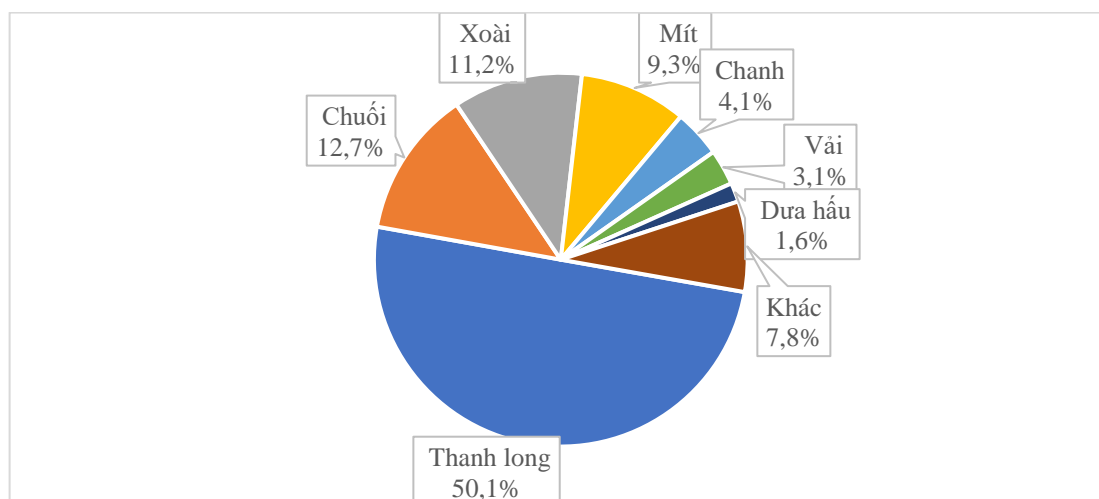


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 5 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 170,8 triệu USD (chiếm 93,7% thị phần, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2020) và rau quả chế biến đạt 17,4 triệu USD (chiếm 6,5%), tăng 69,3%. So sánh với cùng kỳ năm 2020, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 8,1 triệu USD, tăng 79,5%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 7,4 triệu USD, tăng 91,5%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt gần 1 triệu USD, giảm 24,0%; ...

Trong tháng 5 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm thanh long đạt 93,7 triệu USD (chiếm 50,1% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2020; chuối đạt 23,9 triệu USD (chiếm 12,7%), tăng 98,0%; xoài đạt 21,0 triệu USD (chiếm 11,2%), tăng 56,6%; mít đạt 17,4 triệu USD (chiếm 9,3%), tăng 32,8%; chanh đạt 7,7 triệu USD (chiếm 4,1%), tăng 177,2%; ...

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 5/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 5 năm 2021 đạt 28,2 triệu USD, chiếm 23,9% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2020. Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong năm tháng đầu năm 2021 đạt 164,8 triệu USD, tăng 45,0% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 5, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 6,6 triệu USD (chiếm 23,3% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước; nấm các loại đạt 3,5 triệu USD (chiếm 12,4%), tăng 0,6%; táo đạt 2 triệu USD (chiếm 7,0%), tăng 114,7%; hành các loại đạt 1,5 triệu USD (chiếm 5,3%), giảm 20,1%; ...

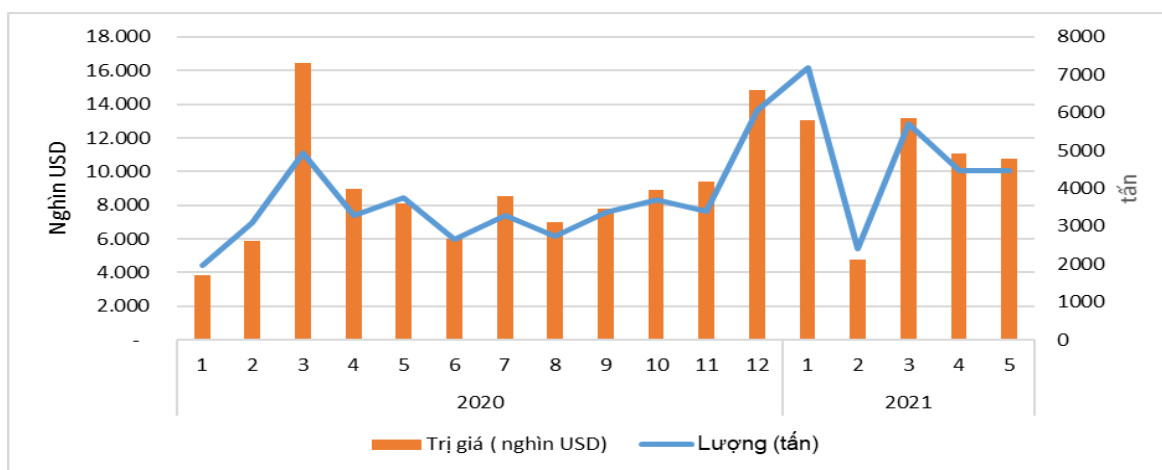
Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH XNK Yuelaimei, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Giang và Công ty TNHH Thương mại XNK Lương Thành với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 5,1%; 2,5% và 2,2%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH XNK Yuelaimei tăng 27,6%, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Giang tăng 68,8%. Trong khi Công ty TNHH Thương mại XNK Lương Thành không xuất khẩu trong tháng 5/2020, nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 5/2021.

4. CÀ PHÊ

Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 13 của Việt Nam, chiếm khoảng 5% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 5/2021 đạt 4.468 tấn, trị giá 10,77 triệu USD, giảm 0,2% về lượng và giảm 2,41% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 5/2020, xuất khẩu cà phê tăng 18,67% về lượng và tăng 33% về giá trị.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đạt 24.261 tấn, trị giá 52,83 triệu USD, tăng 42,5% về lượng và 22,11% về giá trị so với cùng kỳ.

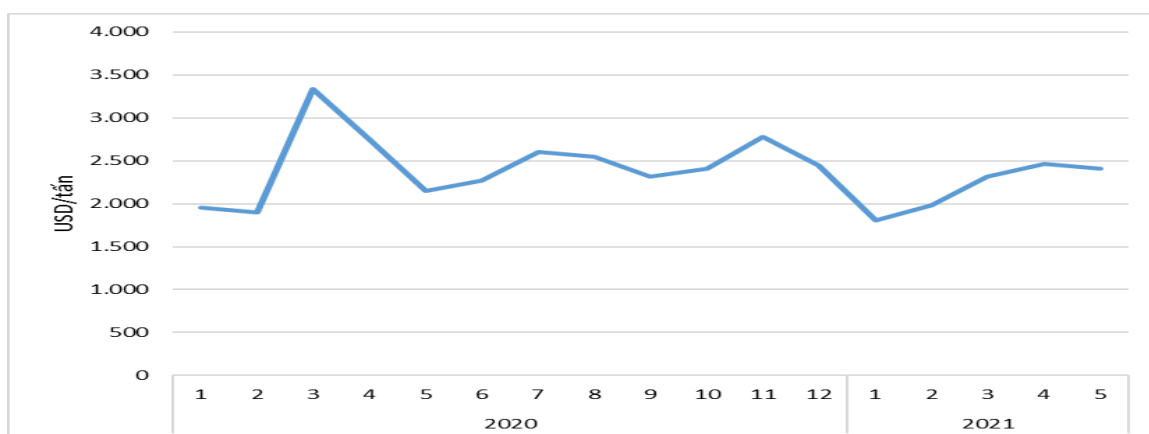
Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc là 2.411 USD/tấn, giảm 2,21% so với tháng trước và tăng 12,07% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc

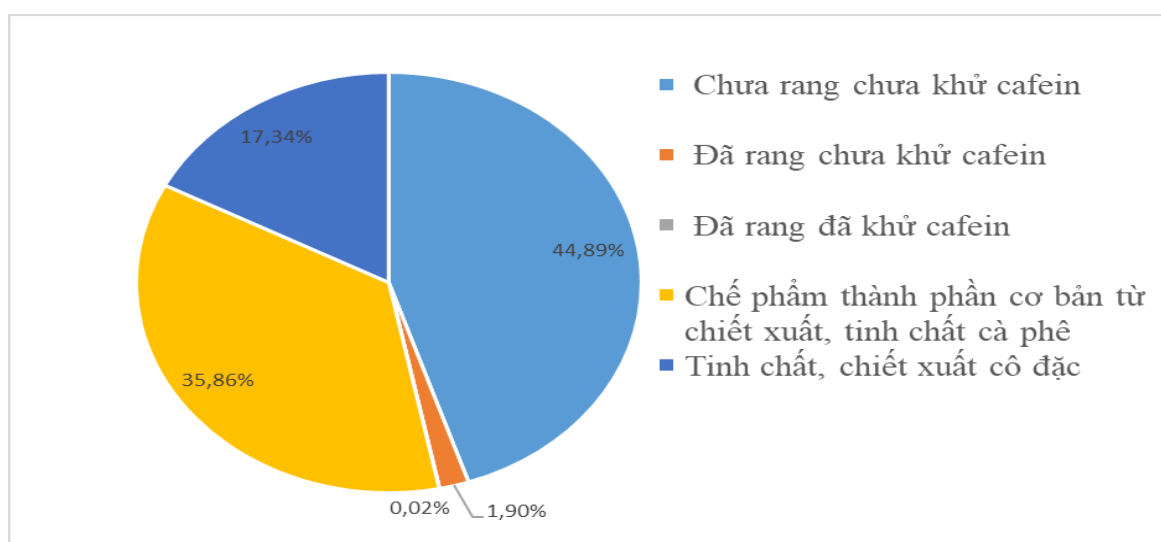


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 5/2021, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 56,74%, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 43,26%. Tỷ trọng này giảm 3,77% so với tháng trước và giảm 8,25% so với cùng kỳ. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 5/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 4,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 44,89%, tăng 59,5% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 204 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 1,9%, tăng 129% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 3,8 triệu USD, chiếm 35,86%. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 1,87 triệu USD, chiếm 17,34%, tăng 26,6% so cùng kỳ. Đáng chú ý, trong tháng 5, Việt Nam không xuất loại cà phê chưa rang, chưa khử caffein sang Trung Quốc.

Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là: Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn, Công ty TNHH Cofco International Việt Nam, Công ty TNHH Hữu Hạn Olam Việt Nam với thị phần lần lượt là: 37,84%; 17,37% và 9,44%.

Về tình hình thị trường:

Theo Viện Nghiên cứu công nghiệp Qianzhan, thị trường cà phê Trung Quốc dự báo sẽ tăng từ 90 tỷ CNY năm 2020 (13 tỷ USD) lên 120 tỷ CNY (18,5 tỷ USD) vào năm 2023. Gần đây, những đại gia công nghệ Trung Quốc tăng cường để mắt đến các chuỗi cà phê để quảng bá dịch vụ như video game, streaming do các chuỗi cà phê thường được những người trẻ ghé qua, loại tương tác B2C như vậy sẽ giúp tỉ lệ sử dụng tăng lên. Chẳng hạn, ByteDance dự định kết hợp với Manner Coffee để tiếp cận người nổi tiếng trên Douyin (phiên bản TikTok Trung Quốc) để quảng cáo sản phẩm. Manner Coffee nổi tiếng với cà phê tự rang xay và phong cách thiết kế tối giản,

được thành lập năm 2015, cung cấp các mặt hàng với giá từ 10 đến 20 CNY, thấp hơn Starbucks (20 tới 40 CNY). Trước đó vào tháng 5, ứng dụng giao đồ ăn hàng đầu Trung Quốc Meituan đã đầu tư vào chuỗi này. Dù Manner Coffee mới có 130 điểm, hãng phân tích ITJuzi của Bắc Kinh đã định giá chuỗi này 2,5 tỷ USD.

Tencent mở cửa hàng cà phê thể thao điện tử cùng với Tim Hortons, chuỗi cà phê và bánh vòng Tim Hortons của Canada cũng phát triển tốt tại Trung Quốc. Từ khi mở cửa hàng đầu tiên tại đây vào năm 2019, đến nay chuỗi đã có khoảng 200 cửa hàng. Tim Hortons dự định mở thêm 200 điểm nữa chỉ riêng trong năm nay, nhờ Tencent, Tim Hortons đặt mục tiêu tạo dựng 1.500 điểm trong vài năm tới.

Văn hóa cà phê của Trung Quốc cất cánh sau khi Starbucks gia nhập thị trường năm 1999. Tuy nhiên, vài năm gần đây, số lượng cửa hàng Starbucks dần thu hẹp do kinh doanh thiếu bùng nổ. Luckin Coffee đã vượt qua Starbucks về số lượng cửa hàng trước khi bê bối tài chính diễn ra, buộc chuỗi này phải đóng hầu hết các điểm. Tuy vậy, Luckin vẫn là chuỗi cà phê lớn thứ hai Trung Quốc, chỉ sau Starbucks, chuỗi này đang tái cấu trúc sau khi nhận được vốn từ các quỹ tư nhân. Khi các công ty công nghệ lớn tham gia, thị trường cà phê nội địa sẽ trải qua nhiều thay đổi lớn, ước tính đạt doanh thu hàng năm 11,5 tỷ USD và dự kiến sẽ tăng 10% trong 5 năm tới.

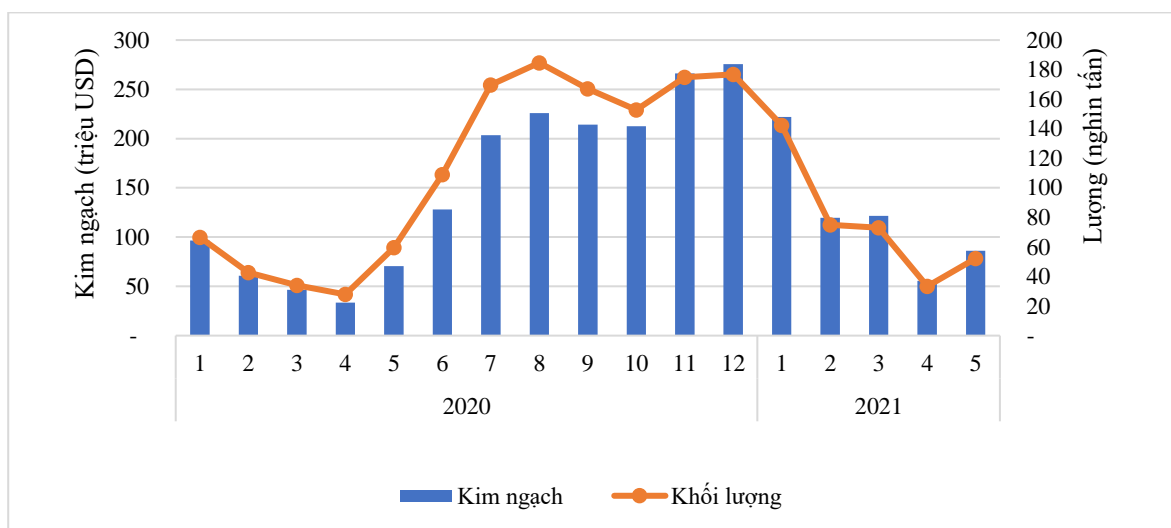
Hiện nay, nhiều nước sản xuất cà phê cũng đang nhắm đến thị trường cà phê đang bùng nổ tại Trung Quốc. Ethiopia, nhà sản xuất cà phê arabica được công nhận trên toàn thế giới về chất lượng và hương vị cà phê phong phú, đang đưa ra sáng kiến thu hút các nhà đầu tư Trung Quốc tham gia vào các nhà rang xay cà phê địa phương để tăng giá trị và sản phẩm sản xuất ra sẽ trực tiếp xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong khi đó, Uganda đang hướng tới thị trường cà phê cao cấp tại Trung Quốc để giúp tăng khối lượng cà phê xuất khẩu lên gấp 5 lần trong vòng 5 năm tới, nước này cũng đang thảo luận với Trung Quốc để có những ưu đãi như hạn ngạch xuất khẩu. Luật cà phê Uganda mới sẽ sớm có hiệu lực sẽ tạo điều kiện cho nông dân, người mua và nhà xuất khẩu tăng sản lượng và xuất khẩu trong khi áp dụng các thực hành tốt nhất. Theo Lộ trình cà phê của Cơ quan Phát triển Cà phê UCDA (UCDA), Uganda đặt mục tiêu sản xuất 20 triệu bao cà phê 60kg vào năm 2030, và Trung Quốc được coi là thị trường tiềm năng cho sản lượng cà phê ngày càng tăng lên này.

5. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 52,2 nghìn tấn với trị giá 86,2 triệu USD, tăng 56,2% về khối

lượng và 54,7% về giá trị so tháng trước, nhưng giảm 12,3% về khối lượng và tăng 22,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

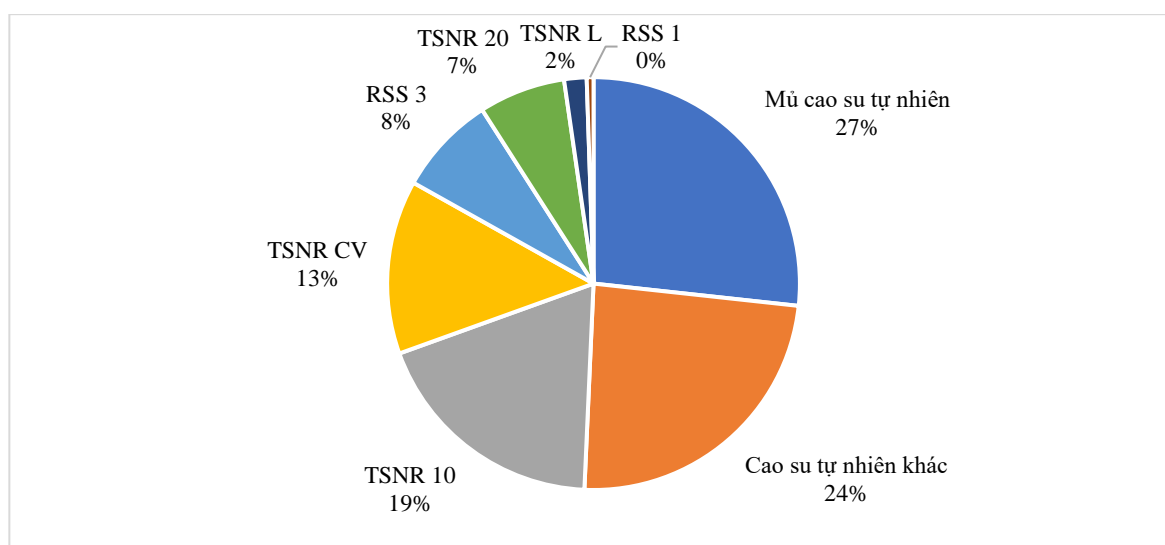
Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 2,2 triệu USD, chiếm 26,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 với kim ngạch 1,6 triệu USD, chiếm 18,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV và tám cao su xông khói RSS 3, chiếm lần lượt 13,6% và 7,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

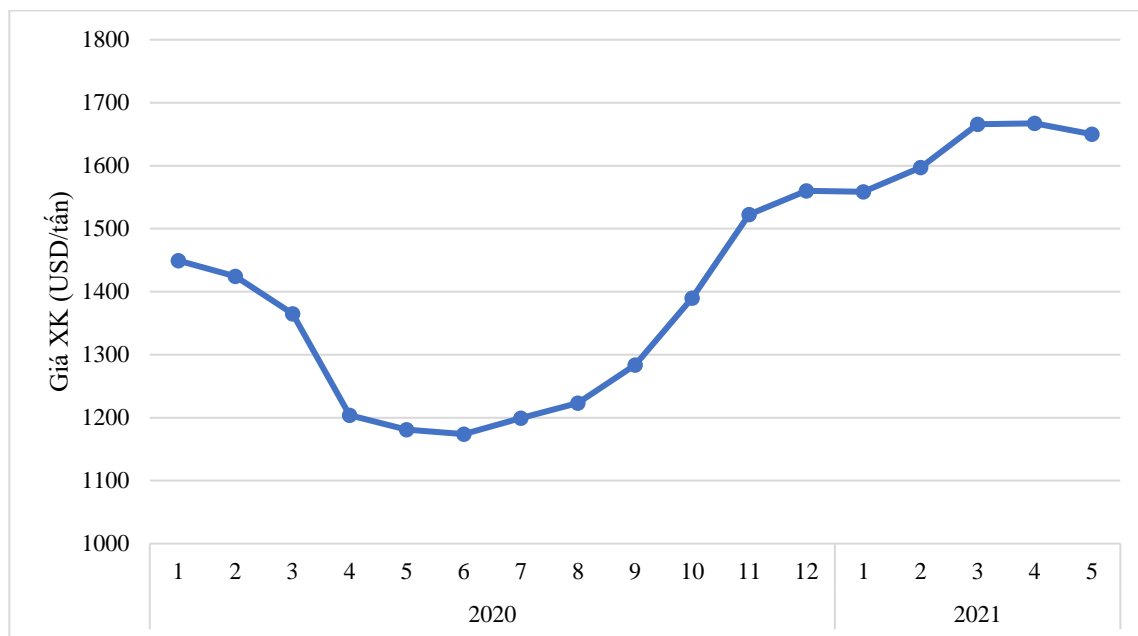
Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 05/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc giảm nhẹ trong tháng 05/2021 đạt mức 1.650 USD/tấn, giảm nhẹ 1,0% so với tháng trước nhưng tăng 39,8% so với cùng kỳ 2020.

Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

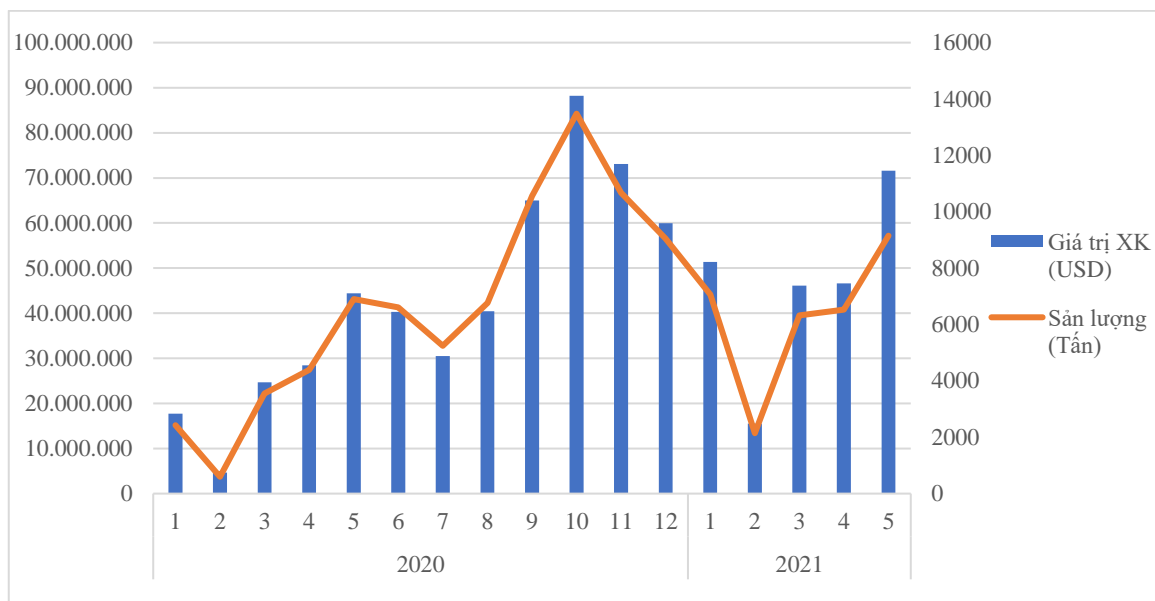
Trong tháng 05/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Vạn Lợi, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Phước và Công ty TNHH Tiến Thành. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 26,9%, 20,5% và 6,0% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 05/2021.

6. HẠT ĐIỀU

Doanh nghiệp Trung Quốc vừa ký một thỏa thuận mua 9 sản phẩm nông nghiệp trị giá 1,5 tỷ USD của Lào trong giai đoạn 2021-2025. Trong đó, sản lượng hạt điều ký thỏa thuận mua trong giai đoạn này là 200 ngàn tấn.

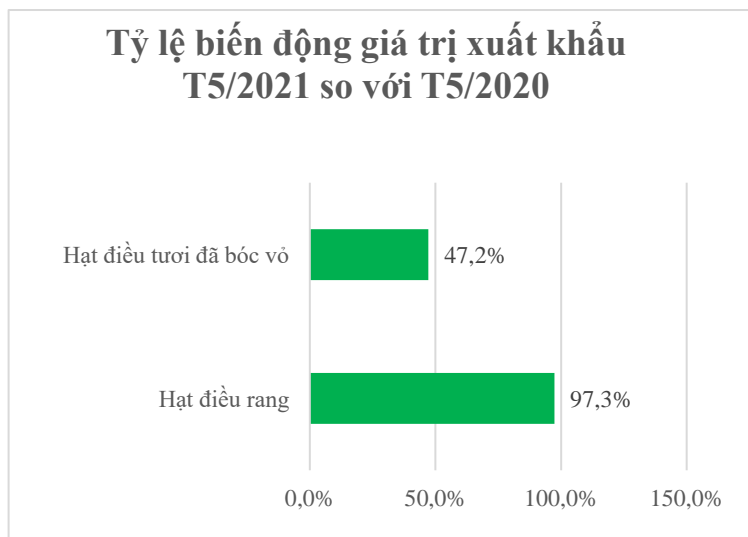
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 9,15 nghìn tấn, trị giá 71,62 triệu USD, tăng 32,6% về khối lượng và 61,3% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 231,20 triệu USD, tương ứng với 31,20 ngàn tấn, tăng 92,9% về giá trị và 74,8% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trung Quốc là thị trường duy nhất tăng mạnh trở lại cả về giá trị lẫn sản lượng điều trong những tháng đầu năm 2021. Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này vào tháng 5/2021, chiếm 51,15%; hạt điều rang chiếm 42,85%.

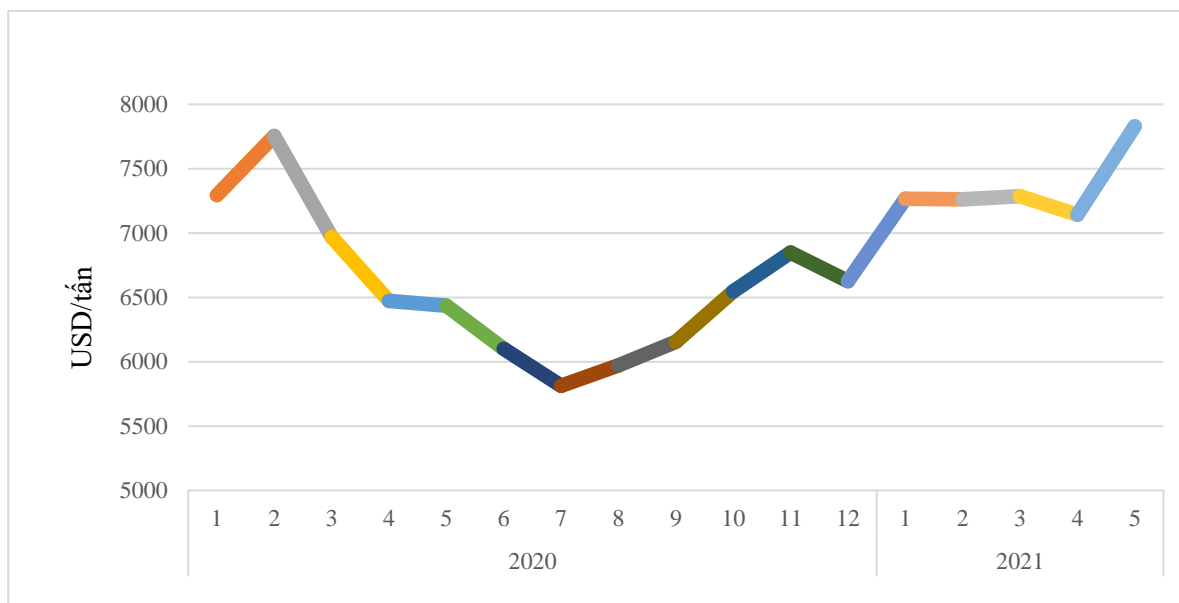


So với tháng 5/2020

- + Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 41,25(tr.USD) ▲ 47,2%
- + Hạt điều rang đạt 21,08 (tr.USD) ▲ 29,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường Trung tháng 5/2021 đã tăng trở lại. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 7,83 nghìn USD/tấn, tăng 9,6% so với tháng trước và tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 6,39 USD/kg tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước và 5,5% so với tháng trước. Điều rang đạt 9,22USD/Kg tăng 22,1% so với 5/2020 và giảm 1,9% so với tháng 4/2021

Tháng 5/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu GOLDEN SUN chiếm 20,02% tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này; Công ty TNHH MTV Phong Giang chiếm 10,54% và Công ty cổ phần Hoàng Sơn I chiếm 4,67%.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

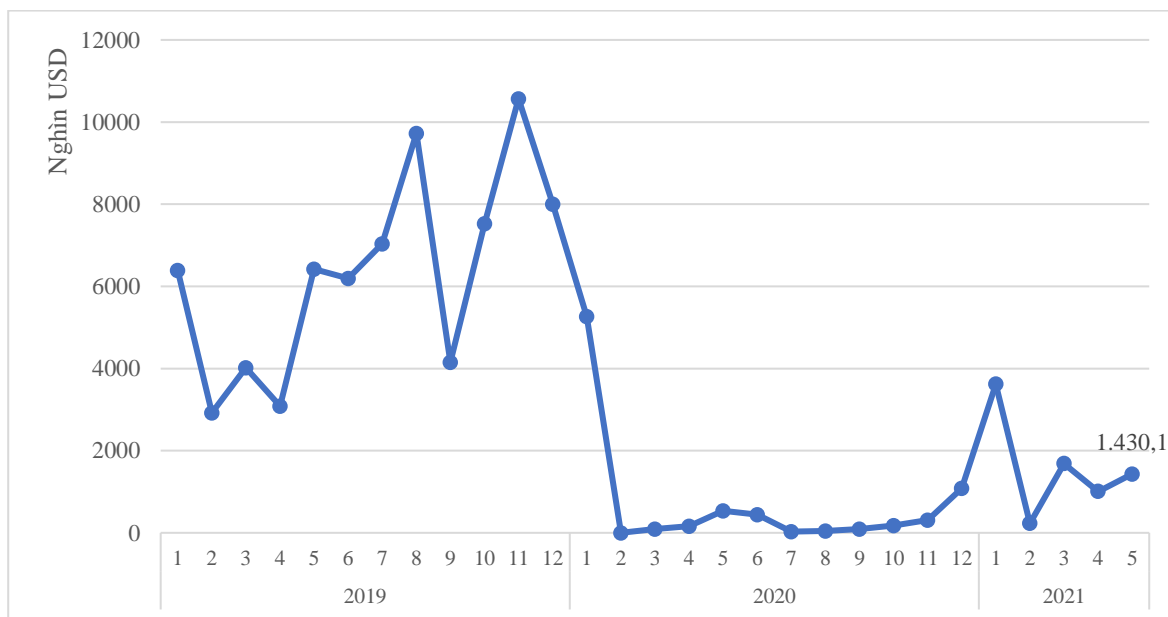
Trung Quốc đang đối mặt với khủng hoảng thừa thịt lợn lớn kể từ đầu năm đến nay do việc giết mổ ổ ạt, và trọng lượng lợn xuất chuồng tăng từ 2-3 lần so với bình thường. Theo tờ Financial Times, khủng hoảng thừa thịt lợn đã khiến giá lợn hơi giao sau tại sàn giao dịch Đại Liên giảm hơn 30%. Giá thịt lợn bán buôn ở Trung Quốc đã giảm khoảng 50% từ đầu năm đến nay, còn 23,57 CNY/kg, mức thấp nhất kể từ cuối năm 2019.

Trong tháng 5/2021, xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 1,43 triệu USD, tăng 42,1% so với tháng trước, chiếm 27,0% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam trong tháng. Các sản phẩm

xuất khẩu chủ yếu trong tháng 4 vẫn các mặt hàng chế biến như là các loại thịt chế biến như chân gà, thịt trâu khô (11,4%), chân lợn chiên (18%), v.v.

Trong tháng 5, chỉ có 6 doanh nghiệp được ghi nhận có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Trung Quốc. Trong đó, 3 doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu lớn nhất là Công ty TNHH Thành Trung, Công ty Cổ phần Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Hải Phòng, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thuận Hưng Phát.

Hình 16: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 5/2021 đạt 73 nghìn USD, giảm 86% so với tháng trước, và giảm 85,4% cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là ba ba sống.

8. THỦY SẢN

Theo tổng cục hải quan Trung Quốc, tháng 5/2021 sản lượng tôm nhập khẩu của nước này đạt khoảng 43 ngàn tấn tôm nước ấm, giảm 19% so với cùng tháng năm ngoái. Giá trị nhập khẩu đạt 250 triệu USD, giảm 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Ecuador là nước xuất khẩu tôm nước ấm lớn nhất trong tháng 5, đạt 24.000 tấn, giảm 17% so với cùng kỳ năm trước, Ấn Độ giảm 21% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 11.600 tấn.

Tháng 5/2021, giá trung bình tôm nhập khẩu của Trung Quốc từ Ecuador là 5,21 USD/kg, tăng từ 4,96 USD/kg vào tháng 4/2021. Tôm nhập khẩu từ Ấn Độ, nơi cung cấp chủ yếu cho Trung Quốc tôm vỏ bỏ đầu, có giá trung bình 6,19 USD/kg trong tháng 5/2021.

Năm 2021, giá trị nhập khẩu tôm vào Trung Quốc bị giảm do quy định kiểm tra gắt gao hàng thủy sản đông lạnh nhập khẩu. Do vậy, các nhà xuất khẩu tôm trên thế giới đều chuyển hướng tập trung vào thị trường Mỹ cho phân khúc tôm đông lạnh và có kế hoạch sản xuất tôm chế biến phục vụ thị trường EU và các thị trường khác.

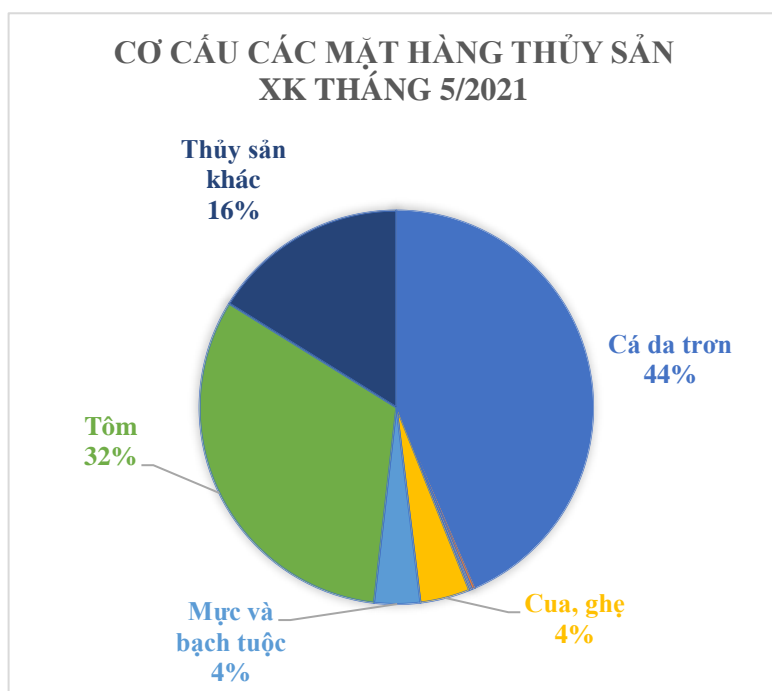
Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2021 đạt 93,96 triệu USD, giảm 23,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,6% so với tháng 3/2021 đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 348,32 triệu USD, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam sau Hoa Kỳ, EU, chiếm 10,6% tỷ trọng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 32%; cá da trơn chiếm 43,5%.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc.



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc giảm do tác động của dịch Covid. Trung Quốc ngày càng siết chặt kiểm tra virus corona đối với hàng thủy sản đông lạnh nhập khẩu từ các nước dẫn đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này giảm liên tiếp trong 2 tháng gần đây.

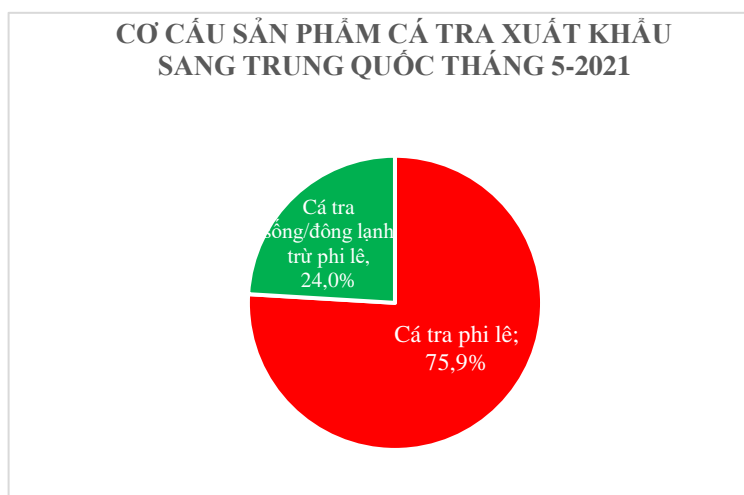


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Cá da trơn vẫn là mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc (chiếm tới 43,5%). Tháng 5/2021, giá trị xuất khẩu cá tra đã có xu hướng tăng trở lại so với tháng 4/2021 (tăng 2,3%) nhưng vẫn giảm so với năm 2020, giảm 9,8%.

**SO VỚI THÁNG
5/2020**

- ✚ Cá da trơn đạt 41,87 triệu USD, **giảm 9,8%**
- ✚ Cá da trơn đạt 30,85 triệu USD, **giảm 44,2%**
- ✚ Cua-ghẹ 3,93 triệu USD, **giảm 9,8%**
- ✚ Mực và Bạch tuộc đạt 3,63 triệu USD, **giảm 25,9%**
- ✚ Thủy sản khác đạt 16,07 triệu USD, **giảm 6,8%**

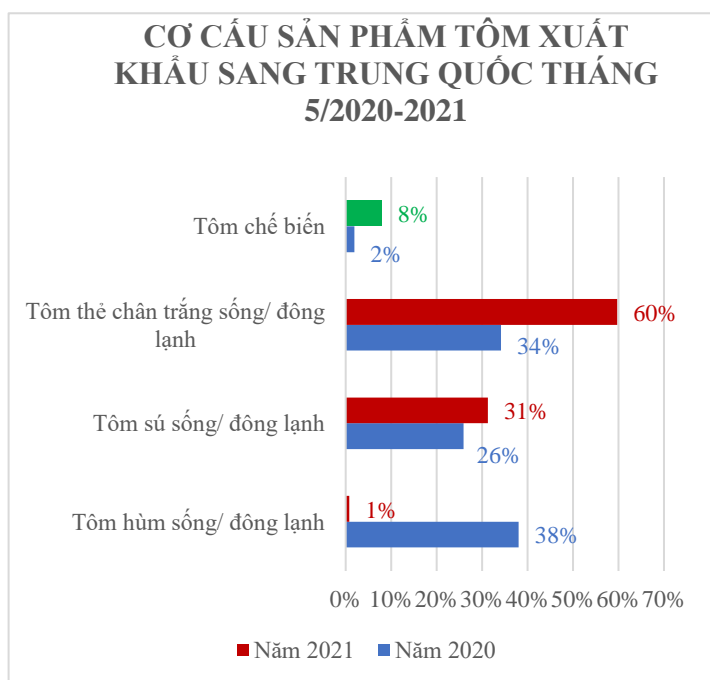


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tác động của đại dịch Covid và động thái của Trung Quốc đã tạo ra 2 xu hướng rõ nét trong xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường này: kim ngạch xuất khẩu tôm chế biến tăng; tiêu dùng tôm thẻ chân trắng có xu hướng tăng do sản phẩm này có giá cả hợp lý hơn các loại tôm khác.

**SO VỚI THÁNG
5/2020**

- ✚ Cá tra sống/đông lạnh trừ phi-lê đạt 10,07 (tr.USD), **▲ 43,4%**
- ✚ Cá tra phi lê đạt 31,78 (tr.USD), **▼ 18,2%**



SO VỚI THÁNG 5/2020

- Tôm chế biến các loại đạt 2,43 (tr.USD), **tăng 134%**
- Tôm hùm đạt 0,25 (tr.USD), **giảm 98,8%**
- Tôm sú 9,65 (tr.USD), **giảm 32,7%**
- Tôm thẻ đạt 18,42 (tr.USD), **giảm 25,9%**
- Thủy sản khác đạt 16,07 (tr.USD), **giảm 6,8%**

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 5/2021 như sau: cá da trơn đạt 1,71 USD/kg, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước và 0,2% so với tháng 4/2021. Tôm đạt 7,23 USD/kg, giảm 29,2% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 3,6% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1: Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,71	5,7%	0,2%
2	Cua, ghẹ	2,00	14,4%	3,4%
3	Mực và bạch tuộc	6,37	-27,8%	12,3%
4	Tôm	2,31	-19,0%	-23,4%

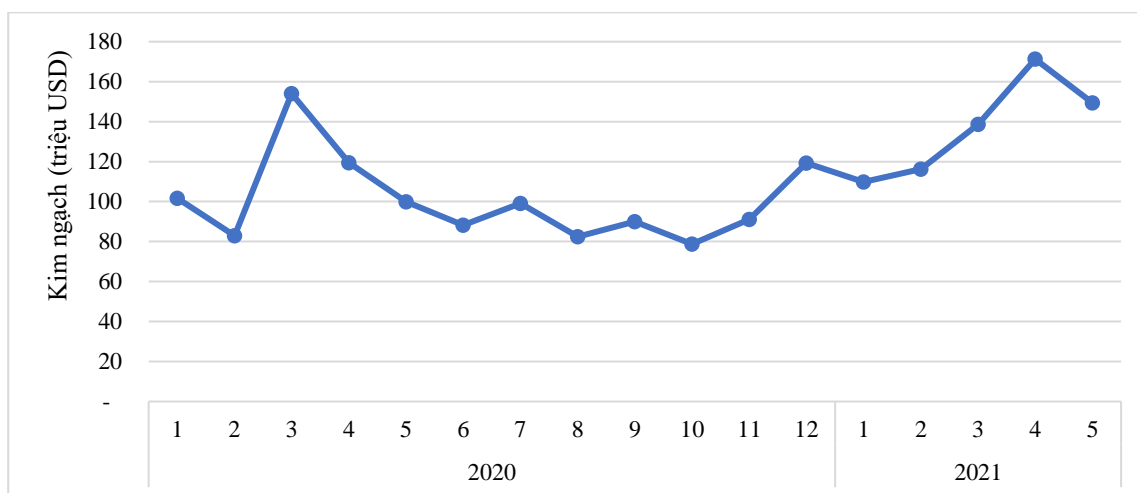
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 5 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công Ty cổ phần Nam Việt chiếm 4,3% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần đầu tư phát triển đa quốc gia IDI chiếm 3,8%; Công ty cổ phần thủy sản Trường Giang, chiếm 3,7%.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 149,4 triệu USD, giảm 12,8% so với tháng trước và tăng 49,5% so với cùng kỳ năm 2020.

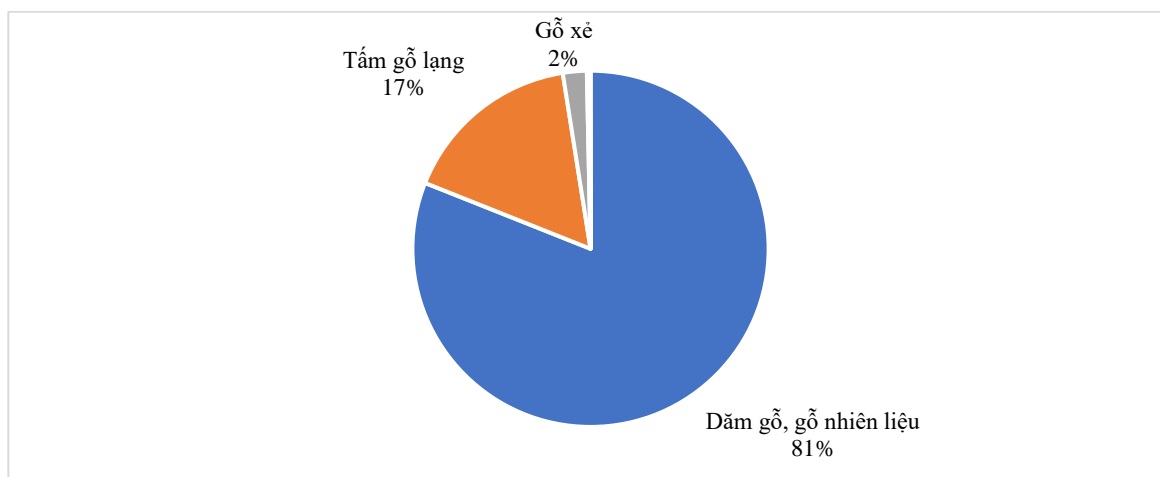
Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 112,1 triệu USD, chiếm 81,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 22,8 triệu USD, chiếm 16,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 2,2% và 0,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 19: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 05/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Hào Hưng, Công ty TNHH Thanh Thành Đạt, và Công ty Cổ phần Nguyệt Anh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 16,5%, 9,2% và 8,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Trung Quốc trong tháng 05/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo báo cáo mới nhất của USDA ra vào tháng 6/2021, nhập khẩu cà phê các loại của Trung Quốc niên vụ 2021/2022 đứng thứ 8 toàn cầu, ở mức là 3.350 nghìn bao, giảm 5,22% so với niên vụ 2020/2021, trong đó nhập khẩu cà phê nhân là 300 nghìn bao, tăng 9,09% so với niên vụ trước, nhập khẩu cà phê hòa tan đứng thứ 2 thế giới sau Philippin với 1,8 triệu bao, giảm 5,26% so với niên vụ trước. Tiêu thụ nội địa tăng nhẹ, lên mức 3,65 triệu. Dự báo quy mô thị trường ngành cà phê Trung Quốc sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng kép trung bình 10% từ năm 2021 đến năm 2026, và quy mô thị trường sẽ đạt gần 170 tỷ CNY (26,29 tỷ USD) vào năm 2026. Tiêu thụ cà phê tại các khu vực thành thị trung Quốc sẽ ngày càng phát triển, đặc biệt là cà phê hòa tan, cà phê dạng lỏng tiện lợi với các hương vị mới lạ, có lợi cho sức khỏe.

2. Rau quả

Dịch COVID-19 bùng phát lần thứ 4 tại Việt Nam với phạm vi lan rộng tại nhiều tỉnh thành trên cả nước, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, thu hái và vận chuyển rau quả tại nhiều địa phương. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng đang bước vào vụ thu hoạch rộ trái cây theo mùa như: vải (mùa thu hoạch chính thức bắt đầu từ đầu tháng 5), thanh long (mùa thu hoạch bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11). Các doanh nghiệp cần nắm bắt kịp thời thông tin thị trường và chính sách thông quan của phía Trung Quốc, đưa ra các phương án tiêu thụ nông sản phù hợp.

3. Cao su

Tăng trưởng của ngành ô tô chậm lại và công suất hoạt động của các nhà máy sản xuất săm lốp giảm có thể khiến nhu cầu cao su lại Trung Quốc suy giảm, ảnh hưởng đến giá trong nửa cuối năm 2021. Số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc cũng cho thấy, nước này đã nhập khẩu 466.000 tấn cao su thiên nhiên và tổng hợp (bao gồm cả mũ cao su) trong tháng 5 năm 2021, giảm 19,24% so với tháng trước nhưng tăng 5,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

4. Thủy sản

Thị trường thủy sản Trung Quốc chưa có những tín hiệu phục hồi rõ ràng khi khối lượng nhập khẩu tăng nhưng giá vẫn ở mức thấp. Bên cạnh đó, thị trường Trung Quốc vẫn đang kiểm soát rất chặt đối với mặt hàng thủy sản động lạnh xuất khẩu vào thị trường này. Chính vì vậy, nhiều chuyên gia dự báo sản lượng nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc những tháng cuối năm không tăng mạnh. Doanh nghiệp nên chú ý các điểm trên để lựa chọn sản phẩm xuất khẩu phù hợp.

5. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Theo dữ liệu tài chính từ Tổng cục Thống kê Trung Quốc, doanh thu của các doanh nghiệp chế biến đồ nội ngoại thất đạt 228,42 tỷ CNY (35,32 tỷ USD), tăng 35% so với cùng kỳ năm 2020, tổng lợi nhuận thu được đạt 9,77 tỷ CNY (1,51 tỷ USD), tăng 51%. Có thể thấy rằng nhu cầu đồ gỗ nội ngoại thất của Trung Quốc có thể sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới. Đây là cơ hội rõ ràng cho các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ của Việt Nam.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 5/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 5.2021 (USD)	Tăng/giảm so T4/2021	Tăng/giảm so T5/2020	Tỷ trọng (%)
	Tổng XK NLTS	805.570.022	-1,5%	17,2%	100,0%
1	Cà phê	10.776.667	-2,4%	33,0%	1,3%
2	Cao su	86.223.173	54,7%	22,5%	10,7%
3	Chè	1.467.120	-15,2%	-1,6%	0,2%
4	Gạo	58.838.967	1,5%	-40,6%	7,3%
5	Gỗ và SP Gỗ	149.383.508	-12,8%	49,5%	18,5%
6	Rau quả	187.184.864	-27,1%	18,3%	23,2%
7	Hàng thủy sản	95.888.768	4,0%	-25,7%	11,9%
8	Hạt điều	71.616.692	53,7%	61,3%	8,9%
9	Mây tre đan	898.507	-10,9%	22,7%	0,1%
10	SP từ cao su	8.821.521	-4,9%	32,4%	1,1%
11	Sắn & SP sắn	77.866.198	13,1%	43,3%	9,7%
12	TĂGS & NL	55.173.963	23,6%	275,0%	6,8%
13	Thịt & SP Thịt	1.430.074	42,1%	167,3%	0,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 5/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 5/2020		Tháng 5/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo nếp	143.343	92.350.580	83.896	40.053.016	-41,5%	-56,6%
2.	Các loại gạo khác	11.889	6.652.273	29.816	18.785.951	150,8%	182,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 5/2021

	Mặt hàng	T5/2020 (USD)	T5/2021 (USD)	So sánh T5/2020 và T5/2021
	Tổng	8.102.717	10.776.667	33,0%
1	Chưa rang chưa khử cafein	3.033.770	4.837.679	59,5%
2	Đã rang chưa khử cafein	89.096	204.274	129,3%
3	Đã rang đã khử cafein	-	1.808	
4	Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	3.502.475	3.864.229	10,3%
5	Chưa rang đã khử cafein	900	-	-100,0%
6	Tinh chất, chiết xuất cô đặc	1.476.476	1.868.677	26,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	T5/2020 (USD)	T5/2021 (USD)	So sánh T5.2021/T5.2020
	Tổng giá trị XK	158.244.091	187.184.864	18,3%
1	Thanh long	91.133.270	93.686.484	2,8%
2	Chuối	12.050.746	23.860.225	98,0%
3	Xoài	13.433.159	21.040.579	56,6%
4	Mít	13.102.790	17.396.217	32,8%
5	Chanh	2.778.977	7.701.966	177,2%
6	Vải	7.292.745	5.781.073	-20,7%
7	Dưa hấu	946.481	3.077.744	225,2%
8	Nhãn	50.032	89.735	79,4%
9	Mãng cụt	911.353	36.074	-96,0%
10	Chôm chôm	24.453	33.010	35,0%
11	Sầu riêng	177.306	-	-100,0%
12	Khác	16.342.779	14.481.758	-11,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc tháng 5/2021

T	Sản phẩm	T5/2020 (USD)	T5/2021 (USD)	So sánh T5.2021/T5. 2020
1	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	257.273,0	704.377,7	174%
2	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	277.779,1	725.696,0	161%
	Tổng	535.052,2	1.430.073,7	167%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 5/2021 (USD)	Tháng 5/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
	Tổng	96.357.139,50	129.026.043,00	-25,3%
1	Cá da trơn	41.870.285,93	46.398.471,14	-9,8%
2	Cá ngừ	279.356,54	251.682,52	11,0%
3	Cá rô phi	220.064,00	787.710,32	-72,1%
4	Cua, ghe	3.930.633,99	4.665.502,50	-15,8%
5	Mực và bạch tuộc	3.631.985,01	4.900.144,11	-25,9%
6	Tôm	30.853.264,96	55.314.025,33	-44,2%
7	Thủy sản khác	15.571.549,07	16.708.507,07	-6,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	T5.2020 (USD)	T5.2021 (USD)	So sánh T5.2021/T5.2020
	Tổng giá trị XK	54.356.061	77.866.198	43,3%
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	7.064.931	13.536.686	91,6%
2	Tinh bột sắn	47.291.130	64.461.599	36,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan